TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA HANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 01 năm 2022
Về: ‘‘*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nhâm và ông Hoàng Văn Lang

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Bùi Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Ma Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 71/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021, về việc ‘‘*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 ; Quyết định hoãn phiên tòa số : 01/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 06/01/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hoàng Thị H**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh T. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Vi Văn T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh T. Vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Chị và anh Vi Văn T qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã đi đến kết hôn được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh T vào ngày 13/11/2015. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại thôn P, xã Đ, huyện N. Quá trình chung sống thời gian đầu không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, đến khoảng năm 2019 thì giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng cùng nhau đi làm xa nhưng anh T thường xuyên cáu giận, chửi bới vợ con khiến cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng. Đến tháng 3/2019 anh T tự dọn ra ngoài ở, từ đó không liên lạc gì với chị, chị H cố liên lạc với anh T nhiều lần nhưng không được, thực tế hai

vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, xác định mâu thuẫn giữa chị và anh T đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Vi Văn T có 01 con chung là cháu: Vi Thị Ngọc A, sinh ngày 18/9/2015. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vi Thị Ngọc A, không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị H xác định chị và anh T không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Vi Văn T đến để giải quyết vụ án nhưng anh Tăng đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh T. Theo cung cấp của Trưởng thôn P và bà Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ của anh Vi Văn T) thì việc chị H và anh T kết hôn với nhau như chị H đã trình bày là đúng thực tế. Sau khi kết hôn vợ chồng chị H anh T ở cùng với gia đình bà Nguyễn Thị T tại thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh T một thời gian thì chuyển ra ở riêng gần đó. Quá trình chung sống có nghe nói giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện nay anh T đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà và liên lạc với gia đình bằng điện thoại, nhưng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc mới cho gia đình biết, chính quyền địa phương và bà T cũng không biết địa chỉ nơi ở, nơi làm việc của anh T ở đâu. Đại diện thôn và bà T xác định có nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh T nhưng anh T không về Tòa án để giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS như: Vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa; Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Vi Văn T.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Vi Thị Ngọc A, sinh ngày 18/9/2015 cho chị Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Vi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Về việc giao nộp tài liệu chứng cứ: Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thị H (bản phô tô); Giấy khai sinh con chung (Bản sao chứng thực); Xác nhận thông tin về cư trú.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của nguyên đơn; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành xác minh tại thôn P, xã Đ, huyện N; xác minh đối với bà Nguyễn Thị T.

Tòa án đã thông báo cho anh Vi Văn T và niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh T không đến Tòa án giải quyết, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được, các đương sự chưa thống nhất được nội dung gì nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị H và anh Vi Văn T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh T là hôn nhân hợp pháp; Chị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T và đề nghị giải quyết việc giao nuôi con chung khi ly hôn nên xác định đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; bị đơn anh Vi Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã Đ, huyện N, tỉnh T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xác minh tại địa phương cho thấy, anh Vi Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh T. Anh T đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại địa phương và gia đình không rõ anh T đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình anh T và chính quyền địa phương đã thông báo cho anh T biết nhưng anh T vẫn không về giải quyết và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc

mới, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Na Hang đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Na Hang quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Chị Hoàng Thị H và anh Vi Văn T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T theo quy định.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có cơ sở xác định giữa chị H và anh T có xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay là đúng thực tế. Trong suốt thời gian sống ly thân hai vợ chồng không liên lạc với nhau, không gặp nhau, không có quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, không có cách thức biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, đến nay cuộc sống chung của hai vợ chồng trên thực tế đã không tồn tại, cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đến thời điểm hiện nay đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H. Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Vi Văn T.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh T sinh được 01 con chung là cháu Vi Thị Ngọc A, sinh ngày 18/9/2015, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy, theo kết quả xác minh tại thôn P, xã Đ, thể hiện: Hiện nay chị H đang cùng con ở riêng tại 01 ngôi nhà gỗ 03 gian kiên cố. Anh Vi Văn T hiện nay thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không có chỗ ở cố định, không biết hiện nay làm công việc gì, vì vậy không đảm bảo các điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Chị Hoàng Thị H hiện nay thường xuyên ở nhà làm nông nghiệp, chăn nuôi, ngoài ra có đi làm thêm các công việc tự do khác mức thu nhập từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng. Thực tế hiện nay cháu Vi Thị Ngọc A đang ở cùng chị H, trong suốt thời gian ở cùng chị H cháu vẫn được tạo điều kiện phát triển đầy đủ về mọi mặt,

được đi học đúng độ tuổi, chị H vẫn đảm bảo về điều kiện chỗ ở cũng như kinh tế để nuôi con chung.

Do vậy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của cháu Vi Thị Ngọc A cần giao con chung cho chị Hoàng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với thực tế. Do chị H không đề nghị anh T cấp dưỡng nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi lợi về mọi mặt của con và các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Hoàng Thị H đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" của chị Hoàng Thị H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Vi Văn T. Quan hệ hôn nhân giữa chị Hương và anh Tăng chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Vi Thị Ngọc A, sinh ngày 18/9/2015 cho chị Hoàng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Vi Văn Tăng không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp

là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004963, ngày 27/10/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Vi Văn T không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã Đ (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Hồng

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- UBND Khâu Tinh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Ngọc Thức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lương Quang Toán **Đỗ Mai Sơn** **Triệu Ngọc Thức**

.